

Bản án số: **481/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/04/2026

V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Y

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Ph

Bà Huỳnh Thị Thanh H

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh N - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội: Bà Lê Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2026/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2026/QĐXX-ST ngày 16 tháng 03 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 493/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31/03/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Xuân X, sinh ngày 11/03/1968. Căn cước công dân số: 001168017472; Cấp ngày 15/11/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi thường trú và nơi ở: Số nhà 14 ngách 26 ngõ 454 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Ông Bùi Xuân L, sinh ngày 24/06/1965. Căn cước công dân số: 00065000154; Cấp ngày 22/04/2025; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi thường trú: 1B ngõ 118 Trương Định, phường Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà

Nội. Địa chỉ cư trú: Số nhà 14 ngách 26 ngõ 454 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Xuân X trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Xuân X và ông Bùi Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14/11/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Sơn Bình. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lâm.

- **Về con chung:** Ông bà có 02 con chung là: Bùi Ngọc L, sinh năm 1992 và Bùi Minh C, sinh năm 1996. Các con chung đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nên các con chung muốn ở với bố hay mẹ là tùy thuộc vào anh chị, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Bà Nguyễn Xuân X không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Bà Nguyễn Xuân X tự nguyện chịu cả.

- **Các vấn đề khác:** Không yêu cầu.

2. Bị đơn: Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo quyền, nghĩa vụ tố tụng, thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn không tham gia tố tụng.

Ngày 12/03/2026, tòa án nhận được văn bản trình bày của ông Bùi Xuân L về việc ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do ông đi công tác xa, thỉnh thoảng mới về nên đề nghị tòa án cho ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng. Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

- **Quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Xuân X đối với ông Bùi Xuân L.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Bùi Ngọc Long, sinh năm 1992 và Bùi Minh Châu, sinh năm 1996 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Xuyến phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Xuân X và ông Bùi Xuân L và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo đơn khởi kiện của

nguyên đơn, bà Xuyến yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với bị đơn là ông Bùi Xuân L có địa chỉ cư trú tại: Số nhà 14 ngách 26 ngõ 454 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Do bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cùng xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Xuân L và bà Nguyễn Xuân X lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/11/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Sơn Bình (cũ) trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Tại lời khai của bà Xuyến trong toàn bộ quá trình tố tụng và các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Trong suốt thời gian chung sống cùng nhau, vợ chồng bà Xuyến, ông Lâm nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng nên trong nhà thường không có hòa khí, ăn uống, sinh hoạt, kinh tế riêng rẽ, không chia sẻ bất kỳ điều gì cùng nhau. Hiện tại, ông bà đã sống ly thân khoảng hơn chục năm nay. Việc bà Xuyến xin ly hôn, ông Lâm đã nhận được các văn bản tố tụng của tòa án nhưng không tham gia hòa giải, tại đơn trình bày gửi tòa án ông cũng thể hiện quan điểm không có ý kiến gì về việc bà Xuyến xin ly hôn. Điều này thể hiện ông Lâm không cố gắng trong việc hàn gắn tình cảm gia đình.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Xuyến, ông Lâm đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Việc bà Xuyến có nguyện vọng xin ly hôn là phù hợp với điều 56 – Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Ông bà có 02 con chung là Bùi Ngọc L, sinh năm 1992 và Bùi Minh C, sinh năm 1996 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung

Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà X chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Khoản 4, Điều 271, Điều 272, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Xuân X được ly hôn với ông Bùi Xuân L.

2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung Bùi Ngọc L, sinh năm 1992 và Bùi Minh C, sinh năm 1996 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ chung:

3.1. Về tài sản chung và nhà ở chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

3.2. Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Xuân X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; Được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Xuyến đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000407 ngày 08/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng THA dân sự khu vực 3 – Hà Nội
- UBND xã Ứng Hòa, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Y